

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số : 72/2019/DS-ST
Ngày : 19-11-2019
V/V tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé.

Ông Lê Quốc Tiết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duyệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An: Bà Lê Thị Ngọc Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý 95/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXXDS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Địa chỉ: số 02, đường Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Như Thoại Q, giám đốc chi nhánh- phòng giao dịch Cần Đ. Địa chỉ: đường số 3, khu dân cư Xây D, Phường 6, Thành phố Tân A, Tỉnh Long An.

- Bị đơn:

Bà Huỳnh Thị Kim N.

Ông Nguyễn Hữu T.

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-6-2019 và quá trình giải quyết vụ án bà Ngô Như Thoại Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/6/2013 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Long An- phòng giao dịch Cần Đơ ký hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Hữu T, bà Huỳnh Thị Kim N vay với số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để trồng trọt, chăn nuôi theo hợp đồng tín dụng số 201302992/HĐTD ngày 18/6/2013, lãi suất cho vay 11,5%/ năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, thanh toán vốn gốc và lãi vào ngày 18/6/2014. Ông T, bà N đã vi phạm thỏa thuận của hợp đồng tín dụng từ ngày 19/6/2014 cho đến ngày 19/11/2019, nên Ngân hàng yêu cầu ông T, bà N phải có trách nhiệm liên đới thanh toán một lần vốn vay là 100.000.000 đồng, lãi trong hạn 72.545.833 đồng, lãi quá hạn 31.625.000 đồng, tổng cộng vốn vay và lãi là 204.170.833 đồng.

Phần tài sản đảm bảo cho việc thế chấp bao gồm: là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 37, tờ bản đồ số 22, diện tích 852,2m² và thửa số 191, tờ bản đồ số 22, diện tích 1183m².

Trường hợp ông T, bà N không thanh toán số tiền trên thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông T, bà N để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp đã thỏa thuận. Lãi suất phát sinh sau ngày 19/11/2019 được tính theo thỏa thuận của hợp đồng vay vốn cho đến khi ông T, bà N trả xong nợ trên cho ngân hàng.

Bà Huỳnh Thị Kim N là bị đơn khai trình tại bản tự khai ngày 13/6/2019: Ông T vay tiền của Ngân hàng, bà không có ký tên nên bà chỉ đồng ý trả vốn vay cho Ngân hàng là 100.000.000 đồng, bà xin Ngân hàng miễn phần tiền lãi cho bà.

Ông Nguyễn Hữu T là bị đơn trình bày tại biên bản hòa giải ngày 09/10/2019 được Tòa án tổ chức hòa giải tại trại giam Mỹ Phước: Về số nợ vốn vay và lãi mà đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Do hiện nay ông đang chấp hành án nên xin Ngân hàng cho ông trả vốn 100.000.000 đồng, ông xin ngân hàng giảm cho ông 50% số tiền lãi tạm tính đến ngày 08/10/2019, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án dân sự Thẩm phán tuân thủ các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Những người tham gia phiên tòa: Các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Ngân hàng yêu cầu ông T, bà N trả 100.000.000 đồng nợ vốn vay, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng. Ông T, bà N xin giảm tiền lãi nhưng đại diện ngân hàng không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc ông T, bà N liên đới trả vốn vay và tiền lãi, tổng cộng là 204.170.833 đồng.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ của vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Long An- phòng giao dịch Cần Đ (ngân hàng) khởi kiện ông Nguyễn Hữu T, bà Huỳnh Thị Kim N về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Ông T có đơn xin vắng mặt, bà N vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy Ngân hàng yêu cầu ông T, bà N phải liên đới trả cho Ngân hàng vốn vay và tiền lãi, tổng cộng là 204.170.833 đồng.

Bà N cho rằng việc ông T vay tiền bà không có ký tên, bà không biết nên bà không đồng ý trả cho Ngân hàng phần tiền lãi trong hạn và quá hạn.

Ông T, bà N là vợ chồng, các bên phát sinh việc vay mượn trong thời kỳ hôn nhân, mục đích vay tiền của ông T là phục vụ cho cuộc sống gia đình. Bà N cho rằng không biết việc ông T vay tiền của Ngân hàng là không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà N. Tòa án tiến hành niêm yết giấy báo làm việc cho bà N vào 13 giờ 30 phút, ngày 07/10/2019 để Tòa án tiến hành ghi lời khai bà N nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành niêm yết thông báo hòa giải vụ án cho bà N và thông báo ngày 09/10/2019 Tòa án tiến hành hòa giải vụ án tại trại giam Mỹ Phước tỉnh Tiền Giang nhưng bà N vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ bà N đã từ bỏ quyền chứng minh của mình và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Việc ông T xin giảm 50% tiền lãi tính đến ngày 08/10/2019 và bà N xin trả vốn vay không được Ngân hàng chấp nhận và không phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần buộc ông T, bà N có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng, lãi trong hạn 72.545.833 đồng, lãi quá hạn 31.625.000 đồng, tổng cộng vốn vay và lãi là 204.170.833 đồng, theo quy định tại các điều 288, 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Lãi suất phát sinh sau ngày 19/11/2019 được tính theo thỏa thuận của hợp đồng vay vốn cho đến khi ông T, bà N trả xong nợ trên cho Ngân hàng.

Phần tài sản đảm bảo cho việc thế chấp bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 710897 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 04555) do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 15/11/2010; Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 37, tờ bản đồ số 22, diện tích 852,2m².

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 836476 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00606) do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 21/6/2012; Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 191, tờ bản đồ số 22, diện tích 1183m².

Các tài sản này thuộc sở hữu của ông Nguyễn Hữu T, bà Huỳnh Thị Kim N, theo Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay số 201302987 ngày 18/6/2013 do văn phòng công chứng Trần Ngọc Xuân T công chứng, số công chứng 2460, Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Trường hợp ông T, bà N không thanh toán số tiền trên thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông T, bà N để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp đã thỏa thuận.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.200.000 đồng Ngân hàng đã nộp xong, do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận, nên T, bà N phải liên đới chịu chi phí này theo quy định tại Điều 157 và Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T, bà N có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 1.200.000 đồng.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: Về toàn bộ nội dung vụ án là phù hợp.

[5] Từ nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ, nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận, nên Ngân hàng không phải chịu án phí. Ông T, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông T, bà N thuộc hộ nghèo có đơn xin miễn án phí nên cần miễn án phí cho bà N, ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các điều 288, 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Điều 37 Luật hôn nhân gia đình;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Long An- phòng giao dịch Cần Đ (ngân hàng) về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Nguyễn Hữu T, bà Huỳnh Thị Kim N.

Buộc ông Nguyễn Hữu T, bà Huỳnh Thị Kim N phải liên đới trả cho Ngân hàng 100.000.000 đồng tiền vốn vay, lãi trong hạn 72.545.833 đồng, lãi quá hạn 31.625.000 đồng, tổng cộng vốn vay và lãi là 204.170.833 đồng (lãi tính đến ngày 19/11/2019).

Lãi phát sinh sau ngày 19/11/2019 được tính theo thỏa thuận của hợp đồng vay cho đến khi ông T và bà N thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

2. Phần tài sản đảm bảo cho việc thế chấp bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 710897 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 04555) do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 15/11/2010; Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 37, tờ bản đồ số 22, diện tích 852,2m².

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 836476 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00606) do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 21/6/2012; Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 191, tờ bản đồ số 22, diện tích 1183m².

Các tài sản này thuộc sở hữu của ông Nguyễn Hữu T, bà Huỳnh Thị Kim N, theo Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay số 201302987 ngày 18/6/2013 do văn phòng công chứng Trần Ngọc Xuân T công chứng, số công chứng 2460, Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Phần tài sản đảm bảo cho việc thế chấp hợp đồng vay tiếp tục thực hiện đến khi ông T, bà N thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông T và bà N không thanh toán số tiền trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của bị đơn để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp đã thỏa thuận.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là : 1.200.000 đồng. Ông T, bà N có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 1.200.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Ngân hàng không phải chịu phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng được nhận lại 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002057 ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Miễn án phí cho ông T, bà N.

5. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí